

Số: **74** /NQ-HĐND

Tam Đường, ngày **14** tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các cơ quan
đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2022 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2016;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Tam Đường về phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND huyện ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Tam Đường về danh mục các dự án và kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2022;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1527/TTr-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí cho các cơ

quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn dự toán ngân sách năm 2022 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn năm 2022 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, cụ thể:

1. Điều chỉnh dự toán: 162.278.000 đồng.
2. Điều chỉnh nội dung chi: 776.570.000 đồng.
3. Tổng kinh phí bổ sung: 12.290.400.000 đồng.
4. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư một số dự án: 662.911.000 đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND huyện Tam Đường khóa XXI, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 14/11/ 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tần Thị Quế

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền tăng	Tổng số tiền giảm	Chi tiết								Ghi chú
				Phòng Lao động và TBXH	Văn phòng Huyện ủy	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Tư pháp	Phòng Văn hóa và Thông tin	Ban Quản lý dự án	Phòng Dân tộc	Ngân sách huyện Tam Đường	
	Tổng cộng	938.848	938.848	629.570	30.000	149.090	17.000	73.800	88.478	73.800	39.388	
I	Điều chỉnh dự toán	162.278	162.278	0	0	49.090	0	73.800	88.478	73.800	39.388	
	- Sửa chữa trụ sở Công an huyện Tam Đường		6.967						6.967			Công trình hoàn thành năm 2022 thừa do giám KL và dự phòng
	- Sửa chữa trụ sở xã Bình Lư, huyện Tam Đường		76.257						76.257			
	- Sửa chữa trụ sở xã Tà Lèng, huyện Tam Đường		5.254						5.254			
	- Điều chỉnh giảm kinh phí tự chủ do điều chỉnh biên chế		73.800					73.800				
	- Điều chỉnh tăng kinh phí trả nợ công trình cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ điểm trường mầm non sân bay đến nhà máy nước Thị trấn Tam Đường.	49.090				49.090						
	- Nộp trả ngân sách huyện Tam Đường	39.388									39.388	
	- Bổ sung kinh phí tự chủ do điều chỉnh tăng biên chế	73.800								73.800		
II	Điều chỉnh nội dung chi	776.570	776.570	629.570	30.000	100.000	17.000	-	-	-	-	
	- Điều chỉnh giảm kinh phí tổ chức Hội thi Dân vận khéo		30.000		30.000							
	- Điều chỉnh tăng kinh phí đặc thù ngân sách đảng	30.000			30.000							
	- Điều chỉnh giảm Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		17.000				17.000					
	- Điều chỉnh tăng kinh phí tuyên truyền của hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật	17.000					17.000					
	- Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập quy chế quản lý kiến trúc năm 2022		100.000			100.000						
	- Điều chỉnh tăng Kinh phí điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Tam Đường và vùng phụ cận huyện tam Đường tỉnh Lai Châu đến năm 2035	100.000				100.000						
	- Điều chỉnh giảm Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ- CP		576.000	576.000								
	- Điều chỉnh tăng kinh phí cấp thẻ BHYT cho người có Công với cách mạng	576.000		576.000								
	- Điều chỉnh giảm kinh phí cứu trợ xã hội, các hoạt động đảm bảo xã hội khác		53.570	53.570								
	- Điều chỉnh tăng kinh phí thăm hỏi, viếng nghĩa trang và các nhiệm vụ khác	53.570		53.570								

BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN
(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND huyện Tam Đường)

Biểu số 02

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Chi tiết đơn vị bổ sung												Ghi chú			
			Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Lao động và Bảo trợ Xã hội	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Xã Sơn Bình	Xã Giang Ma	Xã Nà Lăm	Xã Tả Lèng	Xã Hồ Thầu	Xã Bản Giang	Xã Bình Lư	Xã Bản Bò	Xã Bản Hòn		Xã Nùng Nàng	Xã Khun Há	Xã Thên Sìn
	Tổng cộng kinh phí bổ sung	12.290.400	250.000	1.651.000	9.977.000	17.300	19.700	37.300	35.600	17.500	27.700	45.400	52.000	45.300	15.300	45.000	21.700	32.600
I	Bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách huyện	250.000	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí khác phục sát lờ khu phòng một cửa, nhà bếp trụ sở làm việc UBND xã Khun Há	250.000	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Nguồn bổ sung có mục tiêu	12.040.400	-	1.651.000	9.977.000	17.300	19.700	37.300	35.600	17.500	27.700	45.400	52.000	45.300	15.300	45.000	21.700	32.600
1	Chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	194.000	-	-	194.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ)	499.000	-	-	499.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLDTBXH-BTC	184.000	-	-	184.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mù non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	390.000	-	-	390.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	8.710.000	-	-	8.710.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Kinh phí mai táng phí	402.800	-	373.000	-	-	-	-	14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg	1.278.000	-	1.278.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP	32.000	-	-	2.000	-	4.000	-	-	4.000	-	-	8.000	-	-	6.000	-	-
9	Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	284.000	-	-	15.300	19.700	25.000	19.700	14.900	17.500	15.300	32.800	28.400	18.500	15.300	30.600	17.500	28.400

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Chi tiết đơn vị bổ sung												Ghi chú						
			Phòng Kế toán và Hạ tầng	Phòng Đào tạo và TBKH	Xã Sơn Bình	Xã Giang Ma	Xã Nà Tăm	Xã Tả Lèng	Xã Hồ Thầu	Xã Bản Giang	Xã Bình Lư	Xã Bản Bò	Xã Bản Hòn	Xã Nưng Nàng		Xã Khun Há	Xã Thiên Sinh	UBND TT Tam Đường			
10	Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ hàng tháng tăng thêm của các đối tượng hưu trí xã theo Thông tư số 02/2022/TT-BNV	660000								8.300	1.000		8.400	12.600	700	18.800	8.400	4.200		4.200	



[Handwritten signature]

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND huyện Tam Đường)

ĐVT: đồng

STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Nguyên nhân điều chỉnh
							Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
I	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung					11.700.000.000	4.243.755.000	662.911.000	662.911.000	4.243.755.000		
1	Nước sinh hoạt bản San Tra Mán xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	NN&PTNT cấp IV	2021-2022	58- 28/01/2021	2.700.000.000	1.093.652.000	662.911.000	662.911.000	430.741.000		Do vướng mắc trong trình thực hiện công tác GPMB (Đã phối hợp với UBND xã giải quyết nhưng quá trình giải quyết mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng tới việc ban giao mặt bằng cho đơn vị thi công nên thời gian thực hiện hợp đồng thi công phải gia hạn và do năng lực của nhà thầu còn hạn chế. Đề nghị giám sang dự án khác và bố trí kế hoạch vốn cho dự án vào năm 2023
2	Trường tiểu học và THCS xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	Xã Sơn Bình	DD cấp III	2022-2023	3989- 27/12/2021	9.000.000.000	3.150.103.000		662.911.000	3.813.014.000		